

Số: 27/QĐ-CTHADS

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 01 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-TCTHADS, 1444/QĐ-TCTHADS ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

**Điều 3:** Chánh Văn phòng, Phụ trách kế toán Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng dự toán chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Tổng Cục THADS (để b/c);
- KBNN tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

KT.CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Danh



**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
TỈNH VĨNH LONG**

Số: 15/CTHADS-VP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 01 năm 2023

V/v báo cáo tình hình thực hiện công  
khai dự toán ngân sách năm 2023

Kính gửi: Cơ quan tài chính cùng cấp

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-TCTHADS, 1444/QĐ-TCTHADS ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023.

**I. Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc:**

- Số đơn vị chưa công khai ngân sách: 0 (nêu cụ thể từng đơn vị)
- Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: (Chi tiết theo biểu sau)

| Stt | Tên đơn vị                  | Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách |                    |                |                     |                |                     |
|-----|-----------------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------|---------------------|----------------|---------------------|
|     |                             | Nội dung                                |                    | Hình thức      |                     | Thời gian      |                     |
|     |                             | Đúng nội dung                           | Chưa đúng nội dung | Đúng hình thức | Chưa đúng hình thức | Đúng thời gian | Chưa đúng thời gian |
| 1   | Cục THADS tỉnh              | x                                       |                    | x              |                     | x              |                     |
| 2   | Chi cục THADS Thành phố     | x                                       |                    | x              |                     | x              |                     |
| 3   | Chi cục THADS huyện Long Hồ | x                                       |                    | x              |                     | x              |                     |



|   |                                   |   |  |   |  |   |  |
|---|-----------------------------------|---|--|---|--|---|--|
| 4 | Chi cục THADS<br>huyện Mang Thít  | x |  | x |  | x |  |
| 5 | Chi cục THADS<br>Thị xã Bình Minh | x |  | x |  | x |  |
| 6 | Chi cục THADS<br>huyện Tam Bình   | x |  | x |  | x |  |
| 7 | Chi cục THADS<br>huyện Trà Ôn     | x |  | x |  | x |  |
| 8 | Chi cục THADS<br>huyện Vũng Liêm  | x |  | x |  | x |  |
| 9 | Chi cục THADS<br>huyện Bình Tân   | x |  | x |  | x |  |

**II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định.**

**Nơi nhận:**

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Tổng cục THADS;
- Lưu: VP.

**KT.CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Hoàng Danh**



Số: 263/QĐ-CTHADS

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 12 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-TCTHADS ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng - Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Tổng Cục THADS (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- KBNN Vĩnh Long;
- Lưu VT – KTNS.

KT.CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Danh

Đang chờ  
thẩm định  
Ngày 20/10/2017  
Số 10  
Hàng



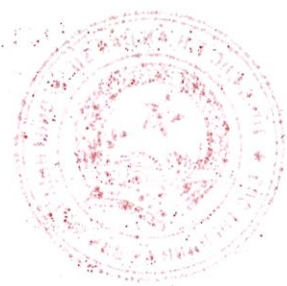
**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long**

(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số              |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                      |
| <b>1</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | <b>1.726.060.000</b> |
|           | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) | 1.294.545.000        |
| <b>2</b>  | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>                                               | <b>431.515.000</b>   |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>4.889.428.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | 4.889.428.000        |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | -                    |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>4.889.428.000</b> |
| <b>1</b>  | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           | <b>4.889.428.000</b> |
|           | - Kinh phí Lương và các khoản đóng góp CBCC                                                | 3.328.919.000        |
|           | - Kinh phí Hỗ trợ lao động hợp đồng theo NĐ 68                                             | 249.600.000          |
|           | - Kinh phí Chi thường xuyên theo định mức                                                  | 1.069.509.000        |
|           | - Kinh phí Quản lý ngành                                                                   | 80.000.000           |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ                                                     | 11.000.000           |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ (tiết kiệm CCTL, mã nguồn 14)                       | 5.200.000            |
|           | - Kinh phí Chi Quỹ thi đua khen thưởng                                                     | 145.200.000          |
| <b>2</b>  | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     |                      |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | <b>-</b>             |
| <b>1</b>  | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           |                      |
| <b>2</b>  | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     |                      |



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIÁC DỤ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Vĩnh Long**

(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số              |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                      |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | <b>592.275.000</b>   |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) | 444.206.000          |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      | 148.069.000          |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>2.608.859.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | 2.608.859.000        |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | -                    |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>2.608.859.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           | <b>2.608.859.000</b> |
|           | - Kinh phí Lương và các khoản đóng góp CBCC                                                | 1.785.564.000        |
|           | - Kinh phí Hỗ trợ lao động hợp đồng theo NĐ 68                                             | 199.680.000          |
|           | - Kinh phí Chi thường xuyên theo định mức                                                  | 583.815.000          |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ                                                     | 37.000.000           |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ (tiết kiệm CCTL, mã nguồn 14)                       | 2.800.000            |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     |                      |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | <b>-</b>             |
| 1         | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                  |                      |
| 2         | Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                            |                      |



**GAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ**

(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số              |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                      |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | <b>547.240.000</b>   |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) | 410.430.000          |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      | 136.810.000          |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>2.275.208.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | 2.275.208.000        |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | -                    |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>2.275.208.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           | <b>2.275.208.000</b> |
|           | - Kinh phí Lương và các khoản đóng góp CBCC                                                | 1.502.473.000        |
|           | - Kinh phí Hỗ trợ lao động hợp đồng theo NĐ 68                                             | 174.720.000          |
|           | - Kinh phí Chi thường xuyên theo định mức                                                  | 556.415.000          |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ                                                     | 39.000.000           |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ (tiết kiệm CCTL, mã nguồn 14)                       | 2.600.000            |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     |                      |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | <b>-</b>             |
| 1         | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                  |                      |
| 2         | Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                            |                      |



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít**

(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số              |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                      |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | <b>654.840.000</b>   |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) | 491.130.000          |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      | 163.710.000          |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>2.316.523.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | 2.316.523.000        |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | -                    |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>2.316.523.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           | <b>2.316.523.000</b> |
|           | - Kinh phí Lương và các khoản đóng góp CBCC                                                | 1.606.888.000        |
|           | - Kinh phí Hỗ trợ lao động hợp đồng theo NĐ 68                                             | 174.720.000          |
|           | - Kinh phí Chi thường xuyên theo định mức                                                  | 507.515.000          |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ                                                     | 25.000.000           |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ (tiết kiệm CCTL, mã nguồn 14)                       | 2.400.000            |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     |                      |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | <b>-</b>             |
| 1         | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                  |                      |
| 2         | Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                            |                      |



**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Bình Minh**

(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số              |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                      |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | <b>268.450.000</b>   |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) | 201.338.000          |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      | 67.112.000           |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>2.137.973.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | 2.137.973.000        |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | -                    |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>2.137.973.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           | <b>2.137.973.000</b> |
|           | - Kinh phí Lương và các khoản đóng góp CBCC                                                | 1.508.898.000        |
|           | - Kinh phí Hỗ trợ lao động hợp đồng theo NĐ 68                                             | 149.760.000          |
|           | - Kinh phí Chi thường xuyên theo định mức                                                  | 459.115.000          |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ                                                     | 18.000.000           |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ (tiết kiệm CCTL, mã nguồn 14)                       | 2.200.000            |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     |                      |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | <b>-</b>             |
| 1         | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                  |                      |
| 2         | Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                            |                      |



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GAO ĐƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình

(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số              |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                      |
| 1         | Số thu phí, lệ phí                                                                         | 297.298.000          |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) | 222.974.000          |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      | 74.324.000           |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>2.559.964.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | 2.559.964.000        |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | -                    |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>2.559.964.000</b> |
| 1         | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                  | 2.559.964.000        |
|           | - Kinh phí Lương và các khoản đóng góp CBCC                                                | 1.813.549.000        |
|           | - Kinh phí Hỗ trợ lao động hợp đồng theo NĐ 68                                             | 156.000.000          |
|           | - Kinh phí Chi thường xuyên theo định mức                                                  | 553.815.000          |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ                                                     | 34.000.000           |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ (tiết kiệm CCTL, mã nguồn 14)                       | 2.600.000            |
| 2         | Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                            |                      |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | <b>-</b>             |
| 1         | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                  |                      |
| 2         | Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                            |                      |



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn**

(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số              |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                      |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | <b>578.617.000</b>   |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) | 433.962.000          |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      | 144.655.000          |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>2.510.879.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | 2.510.879.000        |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | -                    |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>2.510.879.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           | <b>2.510.879.000</b> |
|           | - Kinh phí Lương và các khoản đóng góp CBCC                                                | 1.762.864.000        |
|           | - Kinh phí Hỗ trợ lao động hợp đồng theo ND 68                                             | 156.000.000          |
|           | - Kinh phí Chi thường xuyên theo định mức                                                  | 553.415.000          |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ                                                     | 36.000.000           |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ (tiết kiệm CCTL, mã nguồn 14)                       | 2.600.000            |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     |                      |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | <b>-</b>             |
| 1         | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                  |                      |
| 2         | Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                            |                      |



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

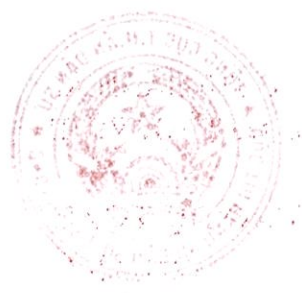
**GAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm**

(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số              |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                      |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | <b>551.423.000</b>   |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) | 413.568.000          |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      | 137.855.000          |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>2.176.799.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | 2.176.799.000        |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | -                    |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>2.176.799.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           | <b>2.176.799.000</b> |
|           | - Kinh phí Lương và các khoản đóng góp CBCC                                                | 1.418.384.000        |
|           | - Kinh phí Hỗ trợ lao động hợp đồng theo NĐ 68                                             | 156.000.000          |
|           | - Kinh phí Chi thường xuyên theo định mức                                                  | 557.815.000          |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ                                                     | 42.000.000           |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ (tiết kiệm CCTL, mã nguồn 14)                       | 2.600.000            |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     |                      |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | <b>-</b>             |
| 1         | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                  |                      |
| 2         | Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                            |                      |



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân**

(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số              |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                      |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | <b>254.946.000</b>   |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) | 191.209.000          |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      | 63.737.000           |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>1.666.474.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | 1.666.474.000        |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | -                    |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>1.666.474.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           | <b>1.666.474.000</b> |
|           | - Kinh phí Lương và các khoản đóng góp CBCC                                                | 1.161.559.000        |
|           | - Kinh phí Hỗ trợ lao động hợp đồng theo NĐ 68                                             | 117.000.000          |
|           | - Kinh phí Chi thường xuyên theo định mức                                                  | 368.215.000          |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ                                                     | 18.000.000           |
|           | - Kinh phí hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ (tiết kiệm CCTL, mã nguồn 14)                       | 1.700.000            |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     |                      |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | <b>-</b>             |
| 1         | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                  |                      |
| 2         | Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                            |                      |



Số: 264/QĐ-CTHADS

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 12 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH VĨNH LONG

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Quyết định số 1444/QĐ-TCTHADS ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh.*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng - Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Tổng Cục THADS (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- KBNN Vĩnh Long;
- Lưu VT – KTNS.

KT.CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Danh



TỔNG CỤC THỊ HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long

(Kèm theo Quyết định số: 264/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số            |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                    |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | -                  |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) |                    |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      |                    |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>597.477.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | -                  |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | 597.477.000        |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>597.477.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           |                    |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     | <b>597.477.000</b> |
|           | - Kinh phí tạm ứng cưỡng chế                                                               | 130.000.000        |
|           | - Kinh phí thừa phát lại                                                                   | 9.282.000          |
|           | - Kinh phí may trang phục                                                                  | 458.195.000        |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | -                  |
| 1         | - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                |                    |
| 2         | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          |                    |



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Vĩnh Long**

(Kèm theo Quyết định số: 264/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số            |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                    |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | -                  |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) |                    |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      |                    |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>380.000.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | -                  |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | 380.000.000        |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>380.000.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           |                    |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     | <b>380.000.000</b> |
|           | - Kinh phí tạm ứng cưỡng chế                                                               | 70.000.000         |
|           | - Kinh phí mua sắm tài sản theo đề án                                                      | 310.000.000        |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | -                  |
| 1         | - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                |                    |
| 2         | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          |                    |



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ**

*(Kèm theo Quyết định số: 264/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)*

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số            |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                    |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | -                  |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) |                    |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      |                    |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>502.500.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | -                  |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | 502.500.000        |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>502.500.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           |                    |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     | <b>502.500.000</b> |
|           | - Kinh phí tạm ứng cưỡng chế                                                               | 117.500.000        |
|           | - Kinh phí thừa phát lại                                                                   | 15.000.000         |
|           | - Kinh phí mua sắm tài sản theo đề án                                                      | 370.000.000        |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | -                  |
| 1         | - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                |                    |
| 2         | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          |                    |



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GAO DU TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít**

(Kèm theo Quyết định số: 264/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số            |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                    |
| <b>1</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | -                  |
| <b>2</b>  | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) |                    |
| <b>3</b>  | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      |                    |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>376.160.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | -                  |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | 376.160.000        |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>376.160.000</b> |
| <b>1</b>  | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           |                    |
| <b>2</b>  | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     | <b>376.160.000</b> |
|           | - Kinh phí tạm ứng cưỡng chế                                                               | 90.000.000         |
|           | - Kinh phí thừa phát lại                                                                   | 4.160.000          |
|           | - Kinh phí thuê kho                                                                        | 32.000.000         |
|           | - Kinh phí mua sắm tài sản theo đề án                                                      | 250.000.000        |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | -                  |
| <b>1</b>  | - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                |                    |
| <b>2</b>  | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          |                    |





**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Bình Minh**

*(Kèm theo Quyết định số: 264/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)*

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số            |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                    |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | -                  |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) |                    |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      |                    |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>681.138.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | -                  |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | 681.138.000        |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>681.138.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           |                    |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     | <b>681.138.000</b> |
|           | - Kinh phí tạm ứng cưỡng chế                                                               | 75.000.000         |
|           | - Kinh phí thừa phát lại                                                                   | 16.138.000         |
|           | - Kinh phí bảo trì trụ sở                                                                  | 490.000.000        |
|           | - Kinh phí mua sắm tài sản theo đề án                                                      | 100.000.000        |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | -                  |
| 1         | - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                |                    |
| 2         | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          |                    |





**GAO DU TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình**

*(Kèm theo Quyết định số: 264/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)*

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số            |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                    |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | -                  |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) |                    |
| 3         | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>                                               |                    |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>521.592.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | -                  |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | 521.592.000        |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>521.592.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           |                    |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     | <b>521.592.000</b> |
|           | - Kinh phí tạm ứng cưỡng chế                                                               | 85.000.000         |
|           | - Kinh phí thừa phát lại                                                                   | 34.592.000         |
|           | - Kinh phí thuê kho                                                                        | 32.000.000         |
|           | - Kinh phí mua sắm tài sản theo đề án                                                      | 370.000.000        |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | -                  |
| 1         | - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                |                    |
| 2         | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          |                    |



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIÁO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn**

*(Kèm theo Quyết định số: 264/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)*

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số            |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                    |
| 1         | Số thu phí, lệ phí                                                                         | -                  |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) |                    |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      |                    |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>531.790.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | -                  |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | 531.790.000        |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>531.790.000</b> |
| 1         | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                  |                    |
| 2         | Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                            | <b>531.790.000</b> |
|           | - Kinh phí tạm ứng cưỡng chế                                                               | 131.000.000        |
|           | - Kinh phí thừa phát lại                                                                   | 30.790.000         |
|           | - Kinh phí mua sắm tài sản theo đề án                                                      | 370.000.000        |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | -                  |
| 1         | - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                |                    |
| 2         | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          |                    |



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm**

*(Kèm theo Quyết định số: 264/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)*

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số            |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                    |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | -                  |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) |                    |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      |                    |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>350.761.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | -                  |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | 350.761.000        |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>350.761.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           |                    |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     | <b>350.761.000</b> |
|           | - Kinh phí tạm ứng cưỡng chế                                                               | 85.000.000         |
|           | - Kinh phí thừa phát lại                                                                   | 15.761.000         |
|           | - Kinh phí mua sắm tài sản theo đề án                                                      | 250.000.000        |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | -                  |
| 1         | - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                |                    |
| 2         | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          |                    |



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIÁO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân

(Kèm theo Quyết định số: 264/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung                                                                                   | Tổng số            |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                |                    |
| 1         | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                  | -                  |
| 2         | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục) |                    |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                      |                    |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                      | <b>164.277.000</b> |
|           | Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                      | -                  |
|           | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          | 164.277.000        |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>                              | <b>164.277.000</b> |
| 1         | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                           |                    |
| 2         | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>                                                     | <b>164.277.000</b> |
|           | - Kinh phí tạm ứng cưỡng chế                                                               | 50.000.000         |
|           | - Kinh phí thừa phát lại                                                                   | 14.277.000         |
|           | - Kinh phí mua sắm tài sản theo đề án                                                      | 100.000.000        |
| <b>II</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)</b>                                        | -                  |
| 1         | - Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                |                    |
| 2         | - Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                          |                    |



Số: 1443/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023

### TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2578/QĐ-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Công văn số 5240b/BTP-KHTC ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tư pháp về việc thông báo chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

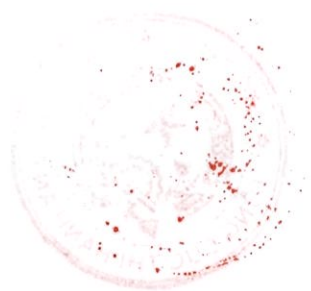
Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để biết);
- Cục Kế hoạch - Tài chính, BTP (để ph/h);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, KHTC.



Nguyễn Quang Thái



**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1443/QĐ-TCTHADS ngày 28 tháng 12 năm 2022

của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

**Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long**

**Mã số : 1052670**

Đơn vị: 1.000 đồng

| STT        | Nội dung                                                                                              | Tổng số              |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>A</b>   | <b>Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                                                           |                      |
| 1          | Số thu phí, lệ phí                                                                                    | <b>5.471.149</b>     |
| 2          | Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục)            | 4.103.362            |
| 3          | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                                 | 1.367.787            |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                                                                 | <b>23.142.107</b>    |
|            | Trong đó: - Kinh phí giao tự chủ tài chính                                                            | 23.142.107           |
|            | - Kinh phí giao không tự chủ tài chính                                                                | 0                    |
| <b>I</b>   | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340-Khoản 341)</b>                                           | <b>23.142.107</b>    |
| 1          | Kinh phí giao tự chủ tài chính<br>(trong đó, tiết kiệm chi thường xuyên tăng thêm năm 2023, nguồn 14) | 23.142.107<br>24.700 |
| 2          | Kinh phí giao không tự chủ tài chính                                                                  | 0                    |
| <b>II</b>  | <b>Chi bồi thường (Loại 340-Khoản 368)</b>                                                            | <b>0</b>             |
| 1          | Kinh phí giao tự chủ tài chính                                                                        | 0                    |
| 2          | Kinh phí giao không tự chủ tài chính                                                                  | 0                    |
| <b>III</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070-Khoản 085)</b>                                                     | <b>0</b>             |
| 1          | Kinh phí giao tự chủ tài chính                                                                        | 0                    |
| 2          | Kinh phí giao không tự chủ tài chính                                                                  | 0                    |





Số: 1444/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2578/QĐ-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Công văn số 5240b/BTP-KHTC ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tư pháp về việc thông báo chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

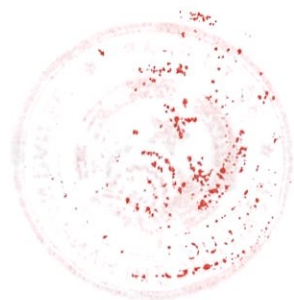
Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

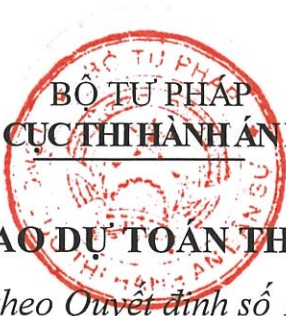
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để biết);
- Cục Kế hoạch - Tài chính, BTP (để ph/h);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, KHTC.



**Nguyễn Quang Thái**



  
BỘ TƯ PHÁP  
TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1444/QĐ-TCTHADS ngày 28 tháng 12 năm 2022 của  
Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

**Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long**

**Mã số : 1052670**

Đơn vị: 1.000 đồng

| STT        | Nội dung                                                    | Tổng số          |
|------------|-------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>                       | <b>4.105.695</b> |
|            | Trong đó: - Kinh phí giao tự chủ tài chính                  | 0                |
|            | - Kinh phí giao không tự chủ tài chính                      | 4.105.695        |
| <b>I</b>   | <b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340-Khoản 341)</b> | <b>4.105.695</b> |
| 1          | Kinh phí giao tự chủ tài chính                              | 0                |
| 2          | Kinh phí giao không tự chủ tài chính                        | 4.105.695        |
| <b>II</b>  | <b>Chi bồi thường (Loại 340-Khoản 368)</b>                  | <b>0</b>         |
| 1          | Kinh phí giao tự chủ tài chính                              | 0                |
| 2          | Kinh phí giao không tự chủ tài chính                        | 0                |
| <b>III</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070-Khoản 085)</b>           | <b>0</b>         |
| 1          | Kinh phí giao tự chủ tài chính                              | 0                |
| 2          | Kinh phí giao không tự chủ tài chính                        | 0                |



